

Số: 16/KL-TTGSNH

Kiên Giang, ngày 11 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Quỹ tín dụng nhân dân Vĩnh Thanh Vân,
thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang năm 2024

Thực hiện Quyết định thanh tra số 27/QĐ-TTGSNH ngày 01/8/2024 của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) Chi nhánh tỉnh Kiên Giang về việc thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang từ ngày 08/8/2024 đến ngày 21/8/2024 (10 ngày làm việc). Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại QTDND Vĩnh Thanh Vân;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTT ngày 04/9/2024 của Trưởng đoàn thanh tra;

Chánh Thanh tra, giám sát NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1.1. Về hồ sơ pháp lý

QTDND Vĩnh Thanh Vân được thành lập và đi vào hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 19/NH-GP ngày 23/3/1995 do Giám đốc NHNN chi nhánh tỉnh cấp; địa bàn hoạt động (Quyết định số 50/QĐ-KGI4 ngày 14/4/2023, Quyết định số 150/QĐ-KGI4 ngày 05/11/2015, Quyết định số 69/NHNN-KGI5 ngày 28/7/2004 và Quyết định số 55/NHQĐ-GP ngày 23/3/1995) hiện nay: 04 phường, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Bảo, Vĩnh Thanh, Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 1700172662 đăng ký lần đầu ngày 31/12/1997, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 03/4/2024; người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã: Ông Nguyễn Thanh Hồng, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1.2. Về cơ cấu tổ chức

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ VI (2020-2024) gồm 04 nhân sự: Chủ tịch Hội đồng quản trị và 03 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; Ban kiểm soát (BKS) gồm 03 nhân sự: Trưởng ban và 02 thành viên, trong đó 01 thành viên BKS kiêm kiểm toán nội bộ; Nhân sự thuộc bộ máy điều hành, tác nghiệp 14 nhân sự, trong đó: Ban điều hành 02 nhân sự, Giám đốc, Phó Giám đốc; Quản lý phòng/bộ phận, cán bộ nghiệp vụ 09 nhân sự; Bảo vệ, lái xe, tạp vụ 03 nhân sự.

1.3. Về tình hình hoạt động và tài chính

Đến 30/6/2024, QTDND Vĩnh Thanh Vân có tổng nguồn vốn hoạt động là 83.888 triệu đồng, trong đó: Huy động tiền gửi dân cư là 66.615 triệu đồng chiếm 79,41%, vốn và các quỹ là 14.384 triệu đồng chiếm 17,15% (vốn điều lệ là 4.940 triệu đồng với 928 thành viên); về sử dụng vốn, dư nợ cho vay 66.521 triệu đồng chiếm 79,30%, tiền gửi tại Ngân hàng HTX 14.754 triệu đồng chiếm 17,59%. Nợ xấu số tiền 2.270 triệu đồng chiếm tỷ lệ 3,41% Tổng dư nợ cho vay, lợi nhuận chưa phân phối 2.437 triệu đồng.

II. KẾT QUẢ THANH TRA, XÁC MINH

2.1. Thanh tra hoạt động của HĐQT, BKS, BĐH và Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ

2.1.1. Về cơ cấu tổ chức quản lý của HĐQT, BKS, BĐH

QTDND Vĩnh Thanh Vân thành lập bộ máy quản trị và bộ máy điều hành riêng; cơ cấu tổ chức và hoạt động của QTDND Vĩnh Thanh Vân (gồm: HĐQT, BKS, BĐH) đáp ứng theo các quy định tại Điều 75, Điều 81, Điều 83, Điều 85 Luật các TCTD 2010; Điều 17, Điều 21 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN và các Điều khoản sửa đổi Điều 17, Điều 21 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN nêu tại Thông tư 21/2019/TT-NHNN.

2.1.2. Về tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên HĐQT, BKS, BĐH

Điều kiện, tiêu chuẩn của nhân sự HĐQT, BKS, Giám đốc QTDND Vĩnh Thanh Vân đáp ứng theo các quy định tại Điều 20, Điều 23, Điều 24 Thông tư 04/2015/TT-NHNN ngày 31/03/2015 của NHNN quy định về QTDND và Thông tư 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của của các Thông tư quy định về Ngân hàng hợp tác xã, QTDND và Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND.

2.1.3. Hoạt động của HĐQT, BKS, BĐH

a. Hoạt động của HĐQT:

HĐQT ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định nội bộ và các quy trình nghiệp vụ để tổ chức triển khai thực hiện và kiểm soát, phòng ngừa rủi ro theo các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn của NHNN chi nhánh tỉnh; xây dựng các báo cáo, văn bản trình đại hội thành viên thường niên; ký các văn bản thuộc thẩm quyền; duy trì tốt các cuộc họp định kỳ hàng tháng và đột xuất để nghe báo cáo về tình hình hoạt động, giải quyết các vụ việc có liên quan và triển khai kịp thời các văn bản của NHNN; nội dung và kết luận của mỗi phiên họp HĐQT đều được ghi vào sổ biên bản và có đầy đủ chữ ký của thành phần dự họp, sau cuộc họp có ban hành Nghị quyết để làm cơ sở cho Bộ máy điều hành thực hiện.

b. Hoạt động của BKS và kiểm toán nội bộ:

Xây dựng đầy đủ quy chế hoạt động, quy trình kiểm toán nội bộ; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và giám sát thường xuyên về tổ chức, hoạt động của HĐQT, bộ máy điều hành; phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trước Đại hội thành viên thường niên. Trưởng BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Kiểm toán nội bộ tổ chức thực hiện kiểm toán theo nội dung kế hoạch đã được phê duyệt. Nhân sự BKS và Kiểm toán nội bộ đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

c. Hoạt động của BĐH:

Giám đốc thực hiện tốt công tác triển khai và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm của đơn vị theo Nghị quyết của Đại hội thành viên, HĐQT; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận nghiệp vụ/cá nhân để thực hiện.

2.2. Thanh tra công tác an toàn kho quỹ, quản lý ấn chỉ có giá

2.2.1. Kiểm kê quỹ tiền mặt:

- Tồn quỹ trên sổ sách cuối ngày 08/8/2024 là 3.053.152.700 đồng.
- Kiểm tra tồn quỹ thực tế lúc 16 giờ 44 phút ngày 08/8/2024 là 3.053.152.700 đồng.

Như vậy, tồn quỹ thực tế khớp đúng so với số liệu trên sổ sách kế toán (Sổ quỹ và Nhật ký quỹ) không phát sinh chênh lệch thừa/thiếu quỹ.

2.2.2. Kiểm kê ấn chỉ quan trọng trắng:

Ấn chỉ quan trọng còn tồn kho cụ thể sau:

Số liệu trên sổ sách thời điểm 30/06/2024		Xuất trong kỳ thời điểm (01/07/2024 - 13h 45 phút 08/08/2024)		Kiểm kê thực tế lúc 13 giờ 45 phút ngày 08/08/2024	
Số sery	Số lượng (số, tờ)	Số sery	Số lượng (số, tờ)	Số sery	Số lượng (số, tờ)
1. Sổ tiền gửi có kỳ hạn:					
AC0959212- AC0959800	2.589	AC0959212- AC0959253	42	AC0959254- AC0959800	2.547
AB6211501- AB6212500				AB6211501- AB6212500	
AC1312801- AC1313800				AC1312801- AC1313800	
2. Sổ tiền gửi Không kỳ hạn:					

AN0044025- AN0044500	476			AN0044025- AN0044500	476
3. Sổ góp vốn:					
3.1. Sổ góp vốn thường niên (TN)					
PK0364032- PK0364200	169	PK0364032	1	PK0364033- PK0364200	168
3.2. Sổ góp vốn xác lập (XL)					
Không có số seri	127		9	Không có số seri	118
4. Séc Ngân hàng:					
4.1. Séc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
GC701636- GC701640	5			GC701636- GC701640	5
4.2. Séc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam					
HB023395- HB023410	16	HB023395-HB023397	3	HB023398- HB023410	13

- Các ấn chỉ xuất sử dụng từ 01/07/2024 đến thời điểm kiểm quỹ là 42 sổ tiền gửi có kỳ hạn có số seri là AC0959212-AC0959253 (bảng kê chi tiết đính kèm), trong đó có 02 sổ tiết kiệm hồng là AC0959218 và AC0959223; 01 sổ góp vốn TN số seri: PK364032 và 9 sổ góp vốn XL không có số seri; 03 tờ séc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam. Như vậy, số dư ấn chỉ theo dõi trên sổ sách kế toán khớp đúng với số kiểm kê thực tế.

- Trong thời kỳ thanh tra (01/10/2022 – 30/06/2024) đơn vị phát sinh 26 sổ tiết kiệm trắng hồng (Bảng kê đính kèm).

Trong thời kỳ thanh tra, nhận thấy: Số liệu ấn chỉ quan trọng giữa sổ sách khớp đúng với số liệu kiểm kê thực tế. Đơn vị có mở sổ sách theo dõi việc xuất nhập ấn chỉ quan trọng theo quy định (mẫu 29a, 29b).

2.2.3. Việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ về công tác kho quỹ, việc chấp hành các quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, ấn chỉ quan trọng:

Qua kiểm tra, đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật tại đơn vị trong công tác an toàn kho quỹ, việc chấp hành các quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá...theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của NHNN (Thông tư 01/2014/TT-NHNN) và các văn bản khác có liên quan, kết quả như sau:

- Về ban hành quy định nội bộ: Đến thời điểm thanh tra, QTDND Vĩnh Thanh Vân đã ban hành các văn bản quy định nội bộ về công tác kho quỹ, việc chấp hành các

quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, ấn chỉ quan trọng như: i) Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 12/11/2018 của HĐQT QTDND Vĩnh Thanh Vân về việc Ban hành quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá; ii) Quyết định số 33/2020/QĐ-HĐQT ngày 06/11/2020 của HĐQT QTDND Vĩnh Thanh Vân về việc ban hành quy định nội bộ về quản lý, sử dụng ấn chỉ; iii) Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2021 của HĐQT Vĩnh Thanh Vân về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng sổ tiết kiệm trắng.

- Việc chấp hành theo qui định đóng gói, niêm phong tiền mặt: QTDND Vĩnh Thanh Vân thực hiện đúng theo quy định nội bộ của quỹ và quy định tại Điều 4, 5 Thông tư 01/2014/TT-NHNN.

- Về việc chấp hành các qui định trong kiểm đếm, giao nhận tiền mặt, giấy tờ có giá: QTDND Vĩnh Thanh Vân thực hiện thu, chi tiền mặt tại quầy và thực hiện lập bảng kê từng loại tiền, giao nhận tiền mặt, giấy tờ có giá theo quy định của quỹ.

- Hết giờ làm việc hằng ngày toàn bộ tiền mặt, ấn chỉ quan trọng và giấy tờ có giá được phân loại, sắp xếp gọn gàng và bảo quản trong két sắt, két sắt được đặt trong kho của QTDND.

- Các quy định về canh gác, bảo vệ kho tiền, quầy giao dịch; nội quy vào ra kho tiền, quy định về làm việc ngoài giờ tại quầy giao dịch tiền mặt, kho tiền, được QTDND Vĩnh Thanh Vân ban hành đầy đủ theo quy định tại Điều 39 đến 42 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN và Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 12/11/2018 của HĐQT QTDND Vĩnh Thanh Vân về việc ban hành Quy định về giao nhận, bảo quản vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá.

- Về chìa khoá kho, két sắt đựng tiền:

+ Bộ chìa khóa sử dụng hằng ngày: Kho quỹ gồm 2 lớp cửa, trong đó: Phó giám đốc (được giám đốc ủy quyền) quản lý, giữ chìa khóa 01 ổ khóa lớp cánh ngoài cửa kho, Kế toán trưởng quản lý, giữ 01 ổ khóa số kết hợp khóa chìa lớp cánh ngoài cửa kho và Thủ quỹ quản lý, giữ 01 chìa khóa lớp cánh trong (cửa sắt) kho tiền, chìa khóa của két sắt trong kho tiền và ổ khóa các tủ sắt bảo quản tài sản được giao trong kho tiền (két sắt, tủ sắt).

+ Bộ chìa khóa dự phòng: Được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang (Biên bản niêm phong hộp chìa khóa dự phòng ngày 03/11/2022, Biên bản giao nhận hộp chìa khóa dự phòng cửa kho tiền của QTDND Vĩnh Thanh Vân ngày 04/11/2022). Tuy nhiên, ngày 31/12/2023 bà Nguyễn Thị Viễn – Thủ quỹ đã nghỉ hưu (người giữ chìa khóa kho), QTDND Vĩnh Thanh Vân chưa thực hiện mở hộp chìa khóa dự phòng để kiểm tra, thay đổi người giữ chìa khóa kho. Việc này, QTDND Vĩnh Thanh

Vân chưa thực hiện theo quy định tại Điểm b khoản 1 điều 33 Thông tư 01/2014/TT-NHNN.

Việc này đã được đơn vị khắc phục trong thời gian thanh tra (Biên bản niêm phong hộp chìa khóa dự phòng ngày 22/08/2024, Biên bản giao nhận hộp chìa khóa dự phòng cửa kho tiền ngày 22/08/2024).

- Về ghi chép theo dõi các loại sổ sách:

Trong thời hiệu thanh tra, QTDND Vĩnh Thanh Vân có: (i) Mở sổ theo dõi ấn chỉ quan trọng (mẫu 29a, 29b); (ii) Sổ theo dõi vận chuyển hàng đặc biệt, từ bố trí nhân sự, phương tiện và lịch trình vận chuyển; (iii) Sổ quỹ theo dõi và kiểm quỹ hàng ngày.

Qua chọn mẫu kiểm tra sổ quỹ và sổ biên bản kiểm quỹ tiền mặt tại một số thời điểm cho thấy: Sổ quỹ được in từ hệ thống mỗi ngày và sổ biên bản kiểm quỹ tiền mặt được QTDND Vĩnh Thanh Vân ghi chép thông tin rõ ràng, có đánh số trang, đóng dấu giáp lai, cuối ngày có ký xác nhận số liệu tồn quỹ gồm các thành phần: Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Thủ quỹ.

2.3. Thanh tra hoạt động huy động vốn, việc hạch toán lãi dự chi

2.3.1. Cơ cấu nguồn vốn của QTDND Vĩnh Thanh Vân:

Tổng nguồn vốn huy động đến 30/6/2024 là 66.615 triệu đồng (427 sổ tiền gửi), giảm 10.302 triệu đồng (-13,39%) so với đầu năm, tăng 4.371 triệu đồng (+7,02%) so với thời điểm 31/12/2022 và chiếm 79,41% tổng nguồn vốn hoạt động. 100% nguồn vốn huy động là tiền gửi tiết kiệm của thành viên và khách hàng, không phát sinh vay vốn Ngân hàng Hợp tác xã, trong đó: Huy động tiền gửi từ thành viên là 41.318 triệu đồng (243 sổ), chiếm 62,03% trên tổng số dư tiền gửi tiết kiệm.

Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đạt 53.305 triệu đồng (279 sổ), chiếm 80,02% trên tổng tiền gửi tiết kiệm. QTDND Vĩnh Thanh Vân huy động một khách hàng có số dư tiền gửi cao nhất tại thời điểm 30/6/2024 là 3.870 triệu đồng, chiếm 5,81% trên tổng số dư tiền gửi tiết kiệm.

2.3.2. Về ban hành quy định nội bộ:

Chủ tịch HĐQT QTDND Vĩnh Thanh Vân đã ban hành Quyết định số 10/2022/QĐ-HĐQT ngày 15/7/2022 về việc ban hành quy chế tiền gửi tiết kiệm của QTDND Vĩnh Thanh Vân.

2.3.3. Việc chấp hành quy định điều hành lãi suất của NHNN:

a) Về niêm yết công khai lãi suất:

Tại thời điểm kiểm tra, QTDND Vĩnh Thanh Vân đã thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở các thông tin liên quan đến việc nhận tiền gửi theo quy định tại Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN quy định về tiền gửi tiết kiệm, Thông

tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng Hợp tác xã, QTDND và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND (Thông tư số 21), cụ thể: Lãi suất tiền gửi tiết kiệm, thủ tục giao nhận tiền gửi tiết kiệm, biện pháp tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm.

Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm được đơn vị công khai nằm trong mức lãi suất quy định tại Quyết định số 1607/QĐ-NHNN ngày 22/9/2022, Quyết định số 1812/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022, Quyết định số 575/QĐ-NHNN ngày 31/03/2023, Quyết định số 951/QĐ-NHNN ngày 23/05/2023, Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/06/2023 của NHNN về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014.

QTDND Vĩnh Thanh Vân đang thực hiện mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị QTDND Vĩnh Thanh Vân, cụ thể: Lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn là 0,48%/năm; Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn thấp nhất là 2,94%/năm, cao nhất là 5,5%/năm (mức lãi suất tối đa theo quy định của NHNN đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng là 5,25%/năm).

b) Việc chấp hành quy định nhận tiền gửi tiết kiệm, chi trả tiền gửi tiết kiệm và mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam:

- Kiểm tra thẻ lưu Sổ tiết kiệm còn số dư đến 30/6/2024 (427 thẻ lưu Sổ tiết kiệm với số dư là 66.615 triệu đồng) và đối chiếu với báo cáo sao kê tại QTDND Vĩnh Thanh Vân, nhận thấy:

+ Đơn vị thực hiện việc mở sổ tiết kiệm cho đối tượng khách hàng là cá nhân theo đúng quy định. Các sổ tiền gửi tiết kiệm của QTDND Vĩnh Thanh Vân sử dụng do Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam cung cấp theo mẫu quy định.

+ Huy động tiền gửi từ thành viên là 41.318 triệu đồng (243 sổ), chiếm 62,03% trên tổng số dư tiền gửi tiết kiệm, tỷ lệ huy động từ khách hàng là thành viên đáp ứng theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư số 21.

+ Tổng mức nhận tiền gửi đảm bảo mức theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21 (bằng 5,58 lần vốn chủ sở hữu của đơn vị).

+ Lãi suất ghi trên thẻ lưu đều nằm trong mức quy định của NHNN. Lãi suất huy động bình quân thời điểm 30/6/2024 là 5,84%/năm.

+ Số dư tiền gửi tiết kiệm của các khách hàng trên thẻ lưu khớp đúng với số liệu trên sao kê và trên bảng cân đối kế toán. Thẻ lưu sổ tiết kiệm ghi chép rõ ràng, đầy đủ thông tin của khách hàng, lãi suất, kỳ hạn, chữ ký mẫu của khách hàng và họ tên, chữ

ký của giao dịch viên và của người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng theo quy định.

- Kiểm tra chứng từ chi trả gốc, lãi tiền gửi tiết kiệm trong thời hiệu thanh tra (352 sổ tiết kiệm), nhận thấy: QTDND Vĩnh Thanh Vân thực hiện chi trả lãi cho khách hàng với mức lãi suất theo đúng quy định của NHNN và QTDND trong từng thời kỳ. Chứng từ chi trả lãi và tất toán sổ tiết kiệm được lưu đầy đủ: Phiếu chi, sổ tiết kiệm tất toán và thẻ lưu kèm theo.

2.3.4. Xác minh đối chiếu khách hàng: Qua đối chiếu xác minh trực tiếp 10 khách hàng (54 sổ tiết kiệm có kỳ hạn) với số dư 14.798 triệu đồng, chiếm 22,21% tổng số dư tiền gửi, cho thấy QTDND Vĩnh Thanh Vân áp dụng lãi suất đúng quy định của NHNN, quy định nội bộ của đơn vị, các thông tin ghi trên sổ tiết kiệm khách hàng đang giữ khớp đúng với thông tin trên sổ sách lưu tại đơn vị.

2.3.5. Về tính và hạch toán lãi dự chi: Qua kiểm tra việc tính và hạch toán lãi dự chi thời điểm 31/12/2023 và thời điểm 30/6/2024 cho thấy đơn vị hạch toán và tính lãi dự chi đúng theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

(Các Biểu số liệu kèm theo)

2.4. Việc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động Ngân hàng

2.4.1. Việc ban hành và triển khai chính sách quản lý về công nghệ thông tin:

Chủ tịch HĐQT QTDND Vĩnh Thanh Vân có ban hành Quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 12/12/2023 về việc ban hành quy chế an toàn thông tin trong hoạt động của QTDND Vĩnh Thanh Vân, áp dụng cho toàn bộ các bộ phận hoạt động tại đơn vị đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin QTDND Vĩnh Thanh Vân.

Các nội dung quy định phù hợp với quy mô hoạt động và quản lý của đơn vị đáp ứng Điều 6 Thông tư 09/2020/TT-NHNN, được triển khai đến toàn bộ cán bộ làm việc tại đơn vị và được thường xuyên rà soát bám theo chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh vị trí công việc.

2.4.2. Việc thực hiện quản lý tài sản thông tin; quản lý thiết bị di động, vật mang tin; tài sản phần mềm:

QTDND Vĩnh Thanh Vân có danh sách liệt kê tài sản thông tin của đơn vị giao cho cá nhân sử dụng. Tài nguyên thông tin cần bảo đảm an toàn thông tin.

Về tài sản vật lý, quản lý thiết bị di động (Laptop, ipad ...), vật mang tin (Ổ cứng, thiết bị lưu trữ ngoài, USB...): được giao, gán trách nhiệm cho cá nhân hoặc bộ phận

quản lý, sử dụng.

Hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng và cơ sở dữ liệu: Hệ thống thông tin của QTDND được phân loại cấp độ 2 phục vụ hoạt động nội bộ phục vụ khách hàng (Không yêu cầu vận hành 24/7) và cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý và hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ hoạt động của QTDND theo hệ thống các phần mềm do Hiệp hội QTDND cung cấp, NH Hợp tác xã Việt Nam, CIC, Thuế, BHXH, Bảo hiểm tiền gửi, phần mềm xuất hoá đơn điện tử, Phần mềm báo cáo thống kê theo Thông tư 35/2015/TT-NHNN. Đơn vị có dùng phần mềm diệt virus BKAV (Bkav Pro Internet Security AJ): Phần mềm này được cài đặt (có mua bản quyền) cho máy chủ.

Thông tin, dữ liệu được trao đổi, truyền tải, xử lý và lưu trữ trên các phần mềm ứng dụng của QTDND Vĩnh Thanh Vân. Tất cả các dữ liệu hệ thống liên quan đến hoạt động của đơn vị nằm trong máy chủ (Giao cho Kế toán trưởng). Việc sao lưu dự phòng do nhân viên quản lý công nghệ thông tin thực hiện sao lưu hàng ngày vào cuối ngày làm việc trên hệ thống phần mềm.

2.4.3. Việc quản lý nguồn nhân lực:

Việc phân công bộ phận có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin: Có danh sách phân công nhiệm vụ truy cập xử lý từng phần mềm ứng dụng của đơn vị.

Việc cấp và thu hồi quyền truy cập hệ thống công nghệ thông tin (CNTT): Trong thời hiệu thanh tra không phát sinh việc cấp mới và thu hồi quyền truy cập hệ thống CNTT.

QTDND Vĩnh Thanh Vân đã bổ nhiệm ông Lê Hoàng Nam chuyên ngành đào tạo cử nhân tin học điện tử viễn thông giữ chức vụ quản lý an toàn, bảo mật thông tin trong hoạt động QTDND Vĩnh Thanh Vân .

2.4.4. Việc quản lý vận hành hệ thống thông tin:

- Quản lý an toàn, bảo mật hệ thống mạng

+ Các máy tính tại QTDND đều được cài đặt password; Phần mềm diệt virus BKAV (Bkav Pro Internet Security AJ- bản quyền) được cài đặt cho máy chủ.

+ Có phiếu gửi thông báo mật và thiết bị bảo mật Ikey của Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam người nhận là Phan Thị Út Thuỷ - Phó Giám đốc, ông Lê Hoàng Nam – Giám đốc.

- Việc phân công nhiệm vụ giám sát hệ thống ứng dụng CNTT, việc ghi nhật ký hoạt động của hệ thống CNTT: Có ghi nhật ký hoạt động của các máy móc của hệ thống CNTT, từng máy tính bàn làm việc.

- Việc trao đổi thông tin nội bộ và ra ngoài: Được quản lý theo các quy định nội bộ.

- Quản lý sự cố CNTT: thực hiện theo trình tự quy định về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin. Trong quá trình vận hành các phần mềm, người được giao vận hành trực tiếp trao đổi với bên cung cấp phần mềm để xử lý trực tiếp, trong thời hiệu thanh tra chưa phát sinh sự cố làm ảnh hưởng đến hệ thống CNTT của đơn vị;

- Sao lưu dữ liệu: Thực hiện theo cuối ngày làm việc (Dữ liệu được sao lưu trên hệ thống phần mềm quản lý).

2.4.5. Việc quản lý truy cập:

- Quản lý truy cập mạng nội bộ: Khi truy cập mạng và các dịch vụ mạng Đơn vị đã tuân thủ các quy định, cụ thể: Chỉ được phép truy cập các mạng và dịch vụ mạng được phép truy cập; Chỉ được sử dụng các cách thức, phương tiện được phép sử dụng để truy cập; Chỉ truy cập khi đảm bảo các điều kiện an toàn thông tin; Sử dụng đúng định danh của mình khi truy cập, tuyệt đối không tiết lộ, cho người khác mượn định danh của mình để truy cập. Chịu trách nhiệm cá nhân trong việc đảm bảo an toàn thông tin trong thời gian truy cập; Tuân thủ yêu cầu thủ tục khi cấp phát, thay đổi, thu hồi quyền kết nối.

- Quản lý tài khoản và mã khóa bí mật người dùng: Trong thời kỳ thanh tra chưa phát sinh sai phạm, đơn vị thực hiện đúng theo quy định.

2.4.6. Quản lý dịch vụ bên thứ ba:

Các bên thứ ba cung cấp dịch vụ cho đơn vị đều có hợp đồng cung cấp dịch vụ đảm bảo theo quy định tại Thông tư 09/2020/TT-NHNN.

2.5. Hoạt động cấp tín dụng; phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và việc hạch toán lãi dự thu

2.5.1. Về ban hành quy định nội bộ:

Đến thời điểm thanh tra, Hội đồng quản trị QTDND Vĩnh Thanh Vân ban hành các quy định nội bộ liên quan hoạt động cho vay như sau: (i) Quy chế hoạt động cho vay đối với khách hàng - Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 10/7/2024; (ii) Quy chế hoạt động cho vay trả góp đối với khách hàng do cộng tác viên bảo lãnh - Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 10/7/2024; (iii) Quy định hoạt động cho vay phục vụ nhu cầu đời sống đối với khách hàng - Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 10/7/2024; (iv) Quy trình định giá tài sản bảo đảm nợ vay - Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 07/8/2024; (v) Quy trình cho vay, kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của khách hàng vay vốn - Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 07/8/2024; (vi) Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động - Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 07/8/2024; (vii) Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban tín dụng - Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 10/7/2024; (viii) Quy định về phương

thức giải ngân vốn cho vay đối với khách hàng – Quyết định số 32/QĐ-HĐQT ngày 07/8/2024.

2.5.2. Về tình hình dư nợ cho vay theo báo cáo:

Tổng dư nợ theo báo cáo của đơn vị tại thời điểm 30/6/2024 là 66.521 triệu đồng, bao gồm: Dư nợ nội bảng là 66.521 triệu đồng (536 món), giảm 3,88% so với đầu năm (giảm 2.687 triệu đồng); Dư nợ ngoại bảng: Không còn số dư.

- Phân tích dư nợ cho vay phân theo thể loại cho vay, hình thức bảo đảm tiền vay, theo ngành kinh tế, cụ thể như sau:

+ Phân theo thể loại cho vay: Cho vay ngắn hạn là 61.958 triệu đồng, chiếm 93,14%; cho vay trung hạn là 3.701 triệu đồng, chiếm 5,56%/tổng dư nợ; cho vay dài hạn là 862 triệu đồng, chiếm 1,30%/tổng dư nợ.

+ Phân theo hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay có bảo đảm bằng tài sản với dư nợ 66.457 triệu đồng, chiếm 99,90%; cho vay không có bảo đảm bằng tài sản với dư nợ 64 triệu đồng (Cho vay nhân viên tín chấp, trả từ lương), chiếm 0,10% tổng dư nợ.

+ Phân theo ngành kinh tế: Dư nợ cho vay thương mại dịch vụ là 34.989 triệu đồng, chiếm 52,60%; Dư nợ cho vay tiêu dùng là 31.532 triệu đồng, chiếm 47,40%/tổng dư nợ, trong đó:

. Dư nợ cho vay sửa chữa nhà và mua ô tô (tiêu dùng) là 27.090 triệu đồng, chiếm 40,72% tổng dư nợ;

. Dư nợ cho vay trả góp (góp ngày) 4.443 triệu đồng, chiếm 6,68% tổng dư nợ với 14 tổ góp có bảo đảm bằng tài sản của Cộng tác viên (gồm 311 hồ sơ).

- Phân theo thành viên: Dư nợ cho vay thành viên 66.521 triệu đồng chiếm 100% tổng dư nợ.

- Phân theo địa bàn: Dư nợ cho vay theo địa bàn hoạt động 66.521 triệu đồng chiếm 100% tổng dư nợ, cụ thể:

Dư nợ theo Phường	Thời điểm 30/6/2024 (Triệu đồng)	Tỷ trọng/Tổng dư nợ cho vay (%)
1. Vĩnh Thanh Vân	11.697	17,58
2. Vĩnh Thanh	27.061	40,68
3. Vĩnh Bảo	16.868	25,36
4. Vĩnh Hiệp	10.895	16,38
Tổng dư nợ	66.521	100

2.5.3. Về chấp hành các quy định về tín dụng:

Qua thanh tra các hợp đồng tín dụng (HĐTD) với dư nợ 41.537 triệu đồng (82 khách hàng), chiếm 62,44% tổng dư nợ và đối chiếu, xác minh 41 HĐTD với dư nợ 25.578 triệu đồng, chiếm 61,58% dư nợ được kiểm tra cho thấy:

- Số dư trên hồ sơ vay vốn, số liệu xác minh đối chiếu khách hàng với số liệu trên sao kê cùng thời điểm của đơn vị không phát sinh chênh lệch.

- Về thẩm định và quyết định cho vay theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 7 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng: Đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ về điều kiện vay vốn.

- Về thẩm định theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng: Đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ.

- Kiểm tra sử dụng tiền vay Đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ về kiểm tra sử dụng tiền vay.

- Về giải ngân vốn vay theo Thông tư số 09/2012/TT-NHNN; Thông tư 21/2017/TT-NHNN: Đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ về giải ngân vốn vay cho khách hàng.

- Về hồ sơ vay vốn; thời hạn vay vốn: Đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ về hồ sơ vay vốn và thời hạn vay vốn đối với khách hàng.

- Về tài sản đảm bảo: Đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ về tài sản đảm bảo.

2.5.4. Về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro:

Trong thời hiệu thanh tra, Đơn vị thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng đúng quy định tại Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-NHNN ngày 04/6/2014 của Ngân hàng Nhà nước Quyết định ban hành Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, qua thanh tra không có sự chênh lệch. Cụ thể như sau:

a) Kết quả phân loại nợ:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu cân đối	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
Tổng dư nợ	66.521	66.521	0
- Nợ nhóm I	64.251	64.251	0

- Nợ nhóm II	0	0	0
Nợ xấu	2.270	2.270	0
- Nợ nhóm III	170	170	0
- Nợ nhóm IV	0	0	0
- Nợ nhóm V	2.100	2.100	0

b) Chất lượng tín dụng, nợ xấu:

Nợ nhóm 1: 64.251 triệu đồng (532 món); Nợ nhóm 2: Không phát sinh.

Nợ xấu: 2.270 triệu đồng (04 món), tỷ lệ nợ xấu chiếm 3,41% tổng dư nợ.

Phân tích nợ xấu theo nguyên nhân: Nợ xấu do khách hàng vay vốn kinh doanh không hiệu quả, không có nguồn thu nhập để trả nợ phải chờ xử lý bán tài sản để thu hồi nợ.

Trong thời gian thanh tra, QTDND Vĩnh Thanh Vân đã xử lý thu hồi được 1.870 triệu đồng nợ xấu, 02 hồ sơ, đạt 82,38%/tổng nợ xấu (Khách hàng Mã Nhựt, Mạch Quốc Anh), tỷ lệ nợ xấu còn 0,6% Tổng dư nợ cho vay.

c) Về trích lập dự phòng:

Việc trích lập dự phòng được đơn vị thực hiện đúng quy định, cụ thể số tiền trích lập dự phòng của quý II/2024 như sau: Tổng số tiền trích lập dự phòng là 604 triệu đồng, gồm dự phòng chung 483 triệu đồng, dự phòng cụ thể 121 triệu đồng - số liệu cân đối tháng 7/2024 (Dự phòng chung, số dư 30/6/2024: $(66.521 - 2.100) \times 0,75\%$).

d) Sử dụng dự phòng:

Trong thời hiệu thanh tra, đơn vị không sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

2.5.5. Về quản lý và thu hồi nợ ngoại bảng:

Trong thời hiệu thanh tra, QTDND Vĩnh Thanh Vân đã thu hồi, xử lý nợ gốc 2.055 triệu đồng và lãi 2.467,3 triệu đồng, cụ thể:

- Năm 2023 (Tháng 5/2023), thu nợ số tiền 23,6 triệu đồng gồm gốc 21,3 triệu đồng, lãi 2,3 triệu đồng.

- 6 tháng đầu năm 2024 (tháng 3/2024), đơn vị thực hiện thủ tục xử lý các khoản nợ ngoại bảng đã theo dõi trên 05 năm đối với số tiền còn lại, *xuất khỏi cân đối ngoại bảng* gồm nợ gốc 2.034 triệu đồng, lãi 2.465 triệu đồng, trong đó:

+ Khách hàng tổ chức: Gốc 595 triệu đồng, lãi 15 triệu đồng.

+ Khách hàng cá nhân: Gốc 1.439 triệu đồng, lãi 2.450 triệu đồng.

(Có bảng kê đính kèm)

Đơn vị thực hiện đúng khoản 4, Điều 11, Mục 3 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN/Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-NHNN ngày 04/6/2014.

Đến 30/6/2024, nợ tồn thất: Không còn số dư.

2.5.6. Về lãi suất cho vay:

Qua thanh tra nhận thấy đơn vị áp dụng lãi suất cho vay phù hợp so với mặt bằng lãi suất trên địa bàn, cụ thể như: Lãi suất cho vay bình quân của đơn vị tại thời điểm 30/6/2024 là 12,44%/năm; Lãi suất cho vay trả góp thông qua Cộng tác viên là 15,6%/năm.

Tại thời điểm 30/6/2024, QTDND Vĩnh Thanh Vân không phát sinh cho vay đối với các trường hợp hạn chế cho vay được hưởng lãi suất ưu đãi.

2.5.7. Việc chấp hành giới hạn cho vay:

2.5.7.1. Về việc cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 32/2015/TT-NHNN tại các thời điểm 31/12/2022, 31/12/2023 và 30/6/2024, QTDND Vĩnh Thanh Vân đảm bảo quy định theo điểm a khoản 2 Điều 8, cụ thể thời điểm 30/6/2024:

Cho vay 01 thành viên BKS dư nợ là 385 triệu đồng, chiếm 2,70% vốn tự có của đơn vị (385/14.244), bảo đảm món vay bằng bất động sản, lãi suất 11,76%/năm (quy định không vượt 5% vốn tự có).

Tổng dư nợ cho vay đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng QTD; người thẩm định, xét duyệt cho vay của QTD và các đối tượng khác theo quy định tại điểm b, c khoản 1, Điều 8 Thông tư 32/2015/TT-NHNN đến 30/6/2024 là 385 triệu đồng (quy định không vượt 5% vốn tự có).

2.5.7.2. Về giới hạn cho vay đối với 1 khách hàng và cho vay đối với 1 khách hàng và người liên quan được QTDND Vĩnh Thanh Vân chấp hành đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 8 Thông tư 32/2015/TT-NHNN, cụ thể đến thời điểm 30/6/2024:

- Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng cao nhất đến 30/6/2024 là 1.700 triệu đồng (Khách hàng Mã Nhựt), chiếm tỷ lệ 11,93% vốn tự có (1.700 triệu đồng/14.244 triệu đồng), theo Quy định không được vượt quá 15% vốn tự có của đơn vị; chiếm tỷ lệ 2,55% tổng dư nợ cho vay.

- Tổng mức dư nợ cho vay một khách hàng và người có liên quan số tiền 2.852 triệu đồng (Nhóm Mã Nhựt), chiếm tỷ lệ 20,02% vốn tự có, theo Quy định không được vượt quá 25% vốn tự có của đơn vị; chiếm tỷ lệ 4,29% tổng dư nợ cho vay.

2.5.8. Các khoản lãi dự thu cho vay khách hàng:

Đến 30/6/2024, số dư các khoản lãi, phí phải thu là 404 triệu đồng. Đối với lãi dự thu cho vay khách hàng, qua thanh tra cho thấy đơn vị tính, hạch toán lãi dự thu cho vay đúng quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

2.6. Hoạt động triển khai và tổ chức thực hiện Phương án tái cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của QTDND Vĩnh Thanh Vân đến 30/6/2024

Kết quả thực hiện Phương án tái cơ cấu gắn liền với xử lý nợ xấu của QTDND Vĩnh Thanh Vân giai đoạn 2021-2025 đến 30/6/2024 (Phương án số 01/PA-QTD.VTV ngày 30/3/2023 của Hội đồng quản trị QTDND Vĩnh Thanh Vân): Nhìn chung, QTDND Vĩnh Thanh Vân đã chủ động, tích cực và bám sát các mục tiêu, giải pháp và lộ trình đề ra theo Phương án, đến thời điểm thanh tra QTDND Vĩnh Thanh Vân vẫn đang tiếp tục triển khai các giải pháp để ổn định, tăng trưởng tín dụng, huy động và kiểm soát nợ xấu theo lộ trình Phương án đã đề ra.

III. KẾT LUẬN VỀ CÁC NỘI DUNG ĐÃ THANH TRA

3.1. Hoạt động của HĐQT, BKS, BĐH và hệ thống KSNB, KTNB: Qua thanh tra nhận thấy QTDND Vĩnh Thanh Vân có ban hành tương đối đầy đủ các quy định, quy trình nội bộ và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

3.2. Hoạt động huy động vốn, việc hạch toán lãi dự chi và công tác an toàn kho quỹ, quản lý ấn chỉ có giá: Qua thanh tra nhận thấy QTDND Vĩnh Thanh Vân thực hiện đúng quy định của pháp luật về hoạt động huy động vốn, lãi suất huy động và công tác an toàn kho quỹ, quản lý ấn chỉ quan trọng.

3.3. Hoạt động cấp tín dụng; phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và việc hạch toán lãi dự thu: Qua thanh tra nhận thấy QTDND Vĩnh Thanh Vân thực hiện đúng quy định trong cho vay, chất lượng tín dụng qua thanh tra không thay đổi so với báo cáo của đơn vị và nằm trong tầm kiểm soát.

3.4. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động Ngân hàng: Qua thanh tra nhận thấy QTDND Vĩnh Thanh Vân thực hiện đúng quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động Ngân hàng.

3.5. Hoạt động triển khai và tổ chức thực hiện Phương án tái cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025: Qua thanh tra nhận thấy QTDND Vĩnh Thanh Vân thực hiện tương đối tốt theo các mục tiêu, giải pháp và lộ trình đề ra theo Phương án.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: Không phát sinh.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

5.1. Kiến nghị: Không.

5.2. Khuyến nghị:

- Yêu cầu đơn vị rà soát lại toàn bộ các hồ sơ tín dụng chưa được thanh tra, kịp thời phát hiện các sai sót (nếu có) để bổ sung, hoàn thiện, tuân thủ theo đúng quy định pháp luật.

- Tiến hành rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy định nội bộ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

5.3. Công khai Kết luận thanh tra:

Sau khi Kết luận thanh tra được ban hành, yêu cầu QTDND Vĩnh Thanh Vân niêm yết công khai Kết luận tại đơn vị trong thời hạn tối thiểu 15 ngày theo quy định và tổ chức thực hiện các khuyến nghị qua thanh tra./.

Nơi nhận:

- QTDND VTV;
- Giám đốc NHNNCN KG;
- Cơ quan TTGSNH;
- Hồ sơ ĐTT;
- Lưu: TTGSNH.

Đính kèm: Các phụ lục.

CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT



Giang Tiên Dũng